

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 636/2026/DS-PT
Ngày 24 – 6 – 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng và yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Văn Bình

2/ Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 752/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 851/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B2).

Địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, Thành phố Hà Nội Hà Nội)

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc L** – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Á**.

2. Ông **Đặng Minh H**.

Chi nhánh thành phố C: Số A, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt)

* **Bi đơn**: Hàng thừa kế thứ nhất của ông **Võ Thành V** bao gồm:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh ngày 15/7/1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, Lô A, đường B, khu dân cư T phường H, thành phố Cần Thơ.
(Vắng mặt)

2. Ông **Võ Văn L1**, sinh ngày 01/01/1927. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số C, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

3. Bà **Võ Hồng Vân P1**, sinh ngày 14/9/1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, Lô A, đường B, khu dân cư T phường H, thành phố Cần Thơ.

4. Bà **Võ Nhã H1**, sinh ngày 11/11/2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, đường L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của bà Hồng P1, ông L1, bà Vân P1 và bà H1: Bà **Võ Thị Hồng G**, sinh ngày 01/01/1975. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: A Hòa Bình, phường N, thành phố Cần Thơ.

5/ Bà **Võ Thị Hạnh P2**, sinh ngày 15/02/2010. (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Bà **Đặng Thị Thu C**, sinh ngày 10/02/1984.

Cùng địa chỉ: Đường số G, khu Tái định cư Ấ xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh ngày 09/01/1975.

Địa chỉ: Số E, quốc lộ E, ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). (Giấy ủy quyền ngày 28/10/2025). (Có mặt)

* **Người có quyền, nghĩa vụ liên quan**: Bà **Nguyễn Thị Thiên H3**, sinh ngày 29/7/1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: G, L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện ủy quyền: Bà **Võ Thị Hồng G**, sinh ngày 01/01/1975. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: A Hòa Bình, phường N, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2025).

Người kháng cáo: Bà **Đặng Thị Thu C** – Đại diện theo pháp luật của bà **Võ Thị Hạnh P2**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của các nguyên đơn ông Châu Thanh B trình bày:*

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2025 và trình bày tại các buổi hòa giải, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 và ông Võ Thành V đã ký Hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD ngày 30/12/2010.

Theo hợp đồng, ông Võ Thành V vay của Ngân hàng số tiền là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 8 tháng (từ ngày 30/12/2010 đến ngày 30/8/2011), lãi suất cho vay là 18,5%/năm. Đến nay đã quá hạn từ ngày 31/8/2011, số tiền gốc đã trả 1.310.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 22.200.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Võ Thành V, bà Nguyễn Thị Hồng P đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/2010/HĐTC được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 18/01/2011). Cụ thể, tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất theo thửa số 78B1, diện tích 279,68 m² (CLN), tọa lạc tại: đường N, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, đường N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 00409 (AB 871980) do U cấp ngày 01/4/2005.

Ông Võ Thành V đã chết (Giấy chứng tử số 59/2015 ngày 10/8/2015) và căn cứ Bản án số 68/2018/DS-PT ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ v/v “tranh chấp quyền thừa kế” và Quyết định số 27/QĐ-SCBSBA ngày 19/7/2018 đã công nhận hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Võ Thành V bao gồm:

1. Vợ Nguyễn Thị Hồng P
2. Cha ruột Võ Văn L1
3. Con ruột Võ Hồng Vân P1
4. Con ruột Võ Nhã H1
5. Con ruột Võ Thị Hạnh P2

Từ ngày 31/8/2011 (lúc ông V còn sống) tới thời điểm hiện tại ông Võ Thành V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng TMCP Đ1 (B2) yêu cầu Tòa án buộc những người hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V có trách nhiệm trả số nợ vay cả gốc lẫn lãi tạm tính đến ngày 12/02/2026 cho ngân hàng là 4.814.242.942 đồng (Bốn tỷ, tám trăm mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 1.190.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.867.885.112 đồng, nợ lãi quá hạn là 756.357.830 đồng) ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh, lãi quá hạn từ ngày 13/02/2026 cho đến khi những người hàng thừa kế thứ nhất của ông V trả hết số nợ vay và lãi cho ngân hàng B2.

Trong trường hợp những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn ông Võ Thành V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị được phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số 043/2010/HĐTC được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 18/01/2011 để thu hồi nợ theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DSST ngày 09 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V gồm: Vợ Nguyễn Thị Hồng P, cha ruột Võ Văn L1, con ruột Võ Hồng Vân P1, con ruột Võ Nhã H1, con ruột Võ Thị Hạnh P2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền là 4.825.888.408 đồng (Bốn tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 2.878.628.167 đồng (Hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 757.260.241 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng), tính đến ngày 09/3/2026 khi án có hiệu lực và lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD ngày 30/12/2010 cho đến khi trả dứt nợ.

Nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V gồm: Vợ Nguyễn Thị Hồng P, cha ruột Võ Văn L1, con ruột Võ Hồng Vân P1, con ruột Võ Nhã H1, con ruột Võ Thị Hạnh P2 không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ1 được phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là Quyền sử dụng đất theo thửa số 78B1, diện tích 279,68 m² (CLN), tọa lạc tại: đường N, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, đường N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 00409 (AB 871980) do U cấp ngày 01/4/2005 cho ông Võ Thành V đứng tên.

Dành quyền ưu tiên mua lại tài sản đã thế chấp nêu trên cho bà Võ Nhã H1 theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định: Mỗi bị đơn gồm Nguyễn Thị Hồng P, Võ Văn L1, Võ Hồng Vân P1, Võ Nhã H1, Võ Thị Hạnh P2 phải chịu chi phí là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 đã tạm ứng số tiền này nên các bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Về án phí:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.369.220 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi đồng) theo biên lai số 0004382 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Mỗi bị đơn gồm Võ Hồng Vân P1 và Võ Nhã H1 phải chịu 40.955.000 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị đơn Nguyễn Thị Hồng P, Võ Văn L1 và Võ Thị Hạnh P2 là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 19/3/2026, bị đơn bà Đặng Thị Thu C và bà Võ Thị Hồng P3 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 09/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Không chấp nhận việc tính lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ1 (B2), chi nhánh C (tính lãi đến ngày 09/3/2026 là: 3.635.888.408đ). Chấp thuận phân chia di sản còn lại của ông Võ Thành V (sau khi trả nợ gốc, trả lãi suất theo đúng pháp luật cho Nguyên đơn) sẽ chia đều 05 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế (bị đơn); Chấp thuận cho bà Võ Thị Hạnh P2, người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Thu C được tham gia mua đấu giá tài sản tại cơ quan thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu trình bày như cấp sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm trong việc Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Chuẩn bị xét xử phúc thẩm (Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm (Điều 294) của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị Hạnh P2, bà Đặng Thị Thu C kháng cáo trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo:

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện giữa nguyên đơn và ông Võ Thành V ký Hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD ngày 30/12/2010 để vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 08 tháng (từ ngày 30/12/2010 đến ngày 30/8/2011), lãi suất cho vay là 18,5%/năm. Đến nay đã quá hạn từ ngày 31/08/2011 số tiền gốc đã trả là 1.310.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 22.200.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Võ Thành V, bà Nguyễn Thị Hồng P đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP Đ2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/2010/HĐTC được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 18/01/2011. Nay Ngân hàng căn cứ vào Biên bản làm việc với hàng thừa kế của ông V lập ngày 19/6/2023 và ngày 30/10/2023 để khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế tố tụng của ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Các đồng thừa kế của ông V đều thống nhất số nợ gốc là 1.190.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 3.635.888.408 đồng và đồng ý kê biên tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Võ Thành V. Tuy nhiên, việc Tòa án khu vực buộc các đồng thừa kế của ông V có trách nhiệm trả gốc và lãi, đồng thời trả lãi đến khi tất toán hợp đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 có quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại". Như vậy các đồng thừa kế của ông V chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi phần đất tại thửa số 78B1, diện tích 279,68m² loại đất CLN, tọa lạc tại Nguyễn Thị T, P. Đ, tỉnh Đồng Tháp theo GCNQSDĐ số H00409 (AB 871980) do U, cấp ngày 01/04/2005 cho ông Võ Thành V đứng tên. Do đó, đến giai đoạn thi hành án bán phát mãi tài sản trên, nếu trong trường hợp di sản của ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng tự thu hồi, trong trường hợp di sản không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các đồng thừa kế của ông V không phải chịu ngoài phạm vi di sản trên. Đối với việc bị đơn kháng cáo cho rằng hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 03 năm kể từ ngày mở thừa kế. Tuy nhiên, căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời gian không tính vào thời hiệu và bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện khi bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; mặc dù ông V chết vào ngày 10/8/2015, nhưng đến ngày 19/6/2023 và ngày 30/10/2023 hàng thừa kế tổ tụng của ông V xác nhận nợ nên thời hiệu khởi kiện được xác lập lại vào ngày 30/10/2023. Do đó, kháng cáo của bị đơn yêu cầu xác định lại thời hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc dành quyền ưu tiên mua lại tài sản Tòa án khu vực chỉ định bà Võ Nhã H1 được quyền ưu tiên mua lại tài sản là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tài sản đảm bảo sẽ được bán đấu giá ở giai đoạn thi hành án nên quyền ưu tiên mua tài sản được thực hiện theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, đặc biệt là Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Án lệ số 11/2017/AL quy định “Trường hợp bên thế chấp và bên nhận thế chấp thỏa thuận bên nhận thế chấp được bán tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất mà trên đất có nhà thuộc sở hữu của người khác không phải là người sử dụng đất thì cần dành cho chủ sở hữu nhà đó được quyền ưu tiên nếu họ có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng)”. Do đó, quyền ưu tiên mua tài sản được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Từ những phân tích như trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn cháu Võ Thị Hạnh P2 là có căn cứ chấp nhận một phần.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) sửa một phần bản án sơ thẩm số 105/2026/DSST ngày 09/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ, theo hướng chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn cháu Võ Thị Hạnh P2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án kháng cáo của bị đơn: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

[2.1] Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 09/03/2026 của TAND Khu vực 3 – Cần Thơ.

Không chấp nhận việc tính lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ1 (B2), chi nhánh C (tính lãi đến ngày 09/3/2026 là: 3.635.888.408đ).

Chấp thuận phân chia di sản còn lại của ông Võ Thành V (sau khi trả nợ gốc, trả lãi suất theo đúng pháp luật cho Nguyên đơn) sẽ chia đều 05 kỳ phân bằng nhau cho các đồng thừa kế (bị đơn);

Chấp thuận cho bà Võ Thị Hạnh P2, người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Thu C được tham gia mua đấu giá tài sản tại cơ quan thi hành án dân sự.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ1 vì cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Khoản vay giữa ông Võ Thành V và Ngân hàng TMCP Đ1 được xác lập hợp pháp theo Hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD ngày 30/12/2010. Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và trách nhiệm thanh toán tiền lãi khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Thành V đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo cam kết, làm phát sinh nợ gốc và nợ lãi. Sau khi ông Võ Thành V chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã kế thừa quyền và nghĩa vụ tài sản do ông V để lại theo quy định tại các Điều 614 và 615 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị đơn đều thừa nhận khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, không có ý kiến phản đối đối với số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu thanh toán, đồng thời cũng không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để từ chối nghĩa vụ thanh toán tiền lãi. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự và yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Đối chiếu các quy định nêu trên với hồ sơ vụ án thấy rằng, trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, không yêu cầu loại trừ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do hết thời hiệu. Đến giai đoạn phúc thẩm, bị đơn mới viện dẫn vấn đề thời hiệu để yêu cầu không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng. Yêu cầu này được đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành bản án nên không thuộc trường hợp được xem xét áp dụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Ngân hàng tính lãi trái với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc trái quy định của pháp luật. Mặc dù ông V chết vào ngày 10/8/2015, nhưng đến ngày 19/6/2023 và ngày 30/10/2023 hàng thừa kế tổ tụng của ông V xác nhận nợ nên thời hiệu khởi kiện được xác lập lại vào ngày 30/10/2023. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của

Ngân hàng về khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án phúc thẩm xác định phần giá trị di sản còn lại sau khi thanh toán nợ cho Ngân hàng sẽ được chia đều cho 05 người thừa kế của ông Võ Thành V, Hội đồng xét xử xét thấy đây không phải là đối tượng khởi kiện và cũng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án. Quan hệ pháp luật đang được xem xét là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Việc xác định giá trị di sản còn lại sau khi thanh toán nghĩa vụ, cũng như việc phân chia di sản thừa kế giữa các đồng thừa kế nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại”, tuy nhiên cấp sơ thẩm không tuyên phân thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại cho phù hợp.

Đối với yêu cầu công nhận quyền ưu tiên cho bà Võ Thị Hạnh P2 hoặc người đại diện theo pháp luật của bà được mua lại tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy tài sản bảo đảm đã được thế chấp hợp pháp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm thì việc kê biên, định giá, bán đấu giá và xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

Tòa án không có căn cứ pháp luật để xác định trước hoặc dành quyền ưu tiên cho bất kỳ cá nhân nào được mua lại tài sản khi tài sản được đưa ra xử lý theo thủ tục thi hành án. Mọi cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định pháp luật đều có quyền tham gia đấu giá tài sản. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quyền ưu tiên mua tài sản cho bất kỳ bị đơn nào trong vụ án này.

Về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Đây là khoản nợ do ông Võ Thành V đã chết để lại nên quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông V được chuyển giao cho những người thừa kế theo quy định tại Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản được hưởng. Do đó, các bị đơn là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đối với Ngân hàng nhưng chỉ trong phạm vi giá trị di sản do ông V để lại, không phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng của mình vượt quá phần di sản được hưởng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn bà P2, bà C.

[3] *Chi phí đo đạc định giá và lệ phí trích đo địa chính cấp sơ thẩm:*

Về chi phí thẩm định: theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn, ngày 18/12/2025 Tòa án đã thành lập đoàn thẩm định để xác định lại hiện trạng thực tế của phần đất và nhà trên đất là tài sản mà ông Võ Thành V và bà Nguyễn Thị Hồng P đã thế chấp cho nguyên đơn và nguyên đơn yêu cầu được phát mãi trong giai đoạn thi hành án. Chi phí thẩm định là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), các bị đơn chịu do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tạm ứng theo phiếu thu ngày 26/11/2025 (BL 174) và Bảng chi ngày 20/12/2025 (BL 190) nên các bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này trong giai đoạn thi hành án. Mỗi bị đơn phải chịu tương ứng với phần nghĩa vụ tài sản phải thực hiện là $1/5 \times 7.000.000$ đồng = 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Võ Thị Hạnh P2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Hạnh P2, bà Võ Thị Hạnh C1. Sửa bản án sơ thẩm số: 105/2026/DS – ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Các điều 26, 30, 35, 39, 147, 157, 180, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 614, 615 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V gồm: Vợ Nguyễn Thị Hồng P, cha ruột Võ Văn L1, con ruột Võ Hồng Vân P1, con ruột Võ Nhã H1, con ruột Võ Thị Hạnh P2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền là 4.825.888.408 đồng (Bốn tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm

tám mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 2.878.628.167 đồng (Hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 757.260.241 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng), tính đến ngày 09/3/2026 và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 10/3/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD ngày 30/12/2010 cho đến khi trả dứt nợ.

Nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Thành V gồm: Vợ Nguyễn Thị Hồng P, cha ruột Võ Văn L1, con ruột Võ Hồng Vân P1, con ruột Võ Nhã H1, con ruột Võ Thị Hạnh P2 không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ1 được phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là Quyền sử dụng đất theo thửa số 78B1, diện tích 279,68 m² (CLN), tọa lạc tại: đường N, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, đường N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 00409 (AB 871980) do U cấp ngày 01/4/2005 cho ông Võ Thành V đứng tên.

Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên của các bị đơn (Nguyễn Thị Hồng P, Võ Văn L1, Võ Hồng Vân P1, Võ Nhã H1, Võ Thị Hạnh P2) chỉ trong phạm vi giới hạn giá trị khối di sản do ông Võ Thành V để lại, các bị đơn không phải chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn bằng tài sản riêng của mình.

Quyền ưu tiên mua lại tài sản đã thế chấp do cơ quan thi hành án dân sự giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí thẩm định sơ thẩm: Mỗi bị đơn gồm Nguyễn Thị Hồng P, Võ Văn L1, Võ Hồng Vân P1, Võ Nhã H1, Võ Thị Hạnh P2 phải chịu chi phí là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 đã tạm ứng số tiền này nên các bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.369.220 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi đồng) theo biên lai số 0004382 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Mỗi bị đơn gồm Võ Hồng Vân P1 và Võ Nhã H1 phải chịu 40.955.000 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị đơn Nguyễn Thị Hồng P, Võ Văn L1 và Võ Thị Hạnh P2 là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị Hạnh P2 không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV3 – Cần Thơ;
- Phòng THSDS KV3 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc